TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136** /2019/HS-ST
Ngày 28 / 10 /2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tưởng** và ông **Đỗ Mạnh Châm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HS ngày 30/9/2019, đối với bị cáo:

LÊ TUẤN A, sinh ngày 09/12/1982 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 15 (tổ 1 cũ), phường T, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Q (đã chết) và bà Tạ Kim C, sinh năm 1960; vợ: Ma Phương D (đã ly hôn năm); con: có 01 con, sinh năm 2009.

* Tiền sự: Không

* Tiền án: Ngày 27/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 141/2017/HS-PT. Lê Tuấn A chấp hành xong án phạt tù ngày 27/4/2018.

* Nhân thân: Ngày 24/6/2019 bị Công an phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (hiện Lê Tuấn A chưa thi hành).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ 19 (tổ 9 cũ), phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tạ Văn B, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 18 (tổ 9 cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1958, trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2019, Lê Tuấn A (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) cư trú tại tổ 1 (nay là tổ 15), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô BKS 22H2-0919 (xe mượn của ông Trần Văn S, trú tại tổ 1, phường T) đi từ nhà đến khu vực tổ 1 (nay là tổ 19), phường P, thành phố Tuyên Quang, thấy nhà đang xây dựng của ông Trần Hữu T, không có cửa, có 01 máy trộn bê tông để gần cửa. Quan sát thấy không có người trông coi, Lê Tuấn A nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Tuấn A dựng xe mô tô ở ngoài đường rồi đi vào chỗ để máy trộn bê tông, thấy có 01 mô tơ điện ELECTRIC MOTORS màu xám, công suất 1490 R/M, powe 2,2KW đặt cạnh máy trộn bê tông, Tuấn A dùng tay tháo mô tơ điện rồi mang ra ngoài, đặt lên giá để đồ của xe và điều khiển xe mang về nhà cất giấu. Khoảng 7 giờ ngày 28/5/2019, Lê Tuấn A mang chiếc mô tơ điện đến bán cho Tạ Văn B, trú tại tổ 1 (nay là tổ 18), phường T với giá 500.000 đồng, khi bán Tuấn A nói chiếc mô tơ là của mình, không có nhu cầu sử dụng nên bán. Tiền bán chiếc mô tơ điện, Lê Tuấn A đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất chiếc mô tơ điện, ông Trần Hữu T đã trình báo Công an phường Phan Thiết. Ngày 28/5/2019, Công an phường Phan Thiết đã thu giữ 01 mô tơ điện ELECTRIC MOTORS màu xám, công suất 1490 R/M, powe 2,2KW; tạm giữ xe mô tô BKS 22H2-0919 do Tạ Văn B giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35 ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Giá trị 01 mô tơ điện ELECTRIC MOTORS màu xám, công suất 1490 R/M, powe 2,2KW là 1.050.000 đồng.

Ngày 06/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại mô tơ điện cho ông Trần Hữu T; trả lại xe mô tô BKS 22H2-0919 cho ông Trần Văn S. Ông T, ông S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Lê Tuấn A phải bồi thường thiệt hại gì.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Tạ Văn B yêu cầu Lê Tuấn A hoàn trả số tiền 500.000 đồng, hiện bị cáo chưa hoàn trả.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Lê Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 130/CT-VKSTP ngày 26/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, người bị hại Trần Hữu T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn S vắng mặt. Quá trình điều tra thể hiện ông T, ông S không ai có yêu cầu gì đối với bị cáo về phần dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tạ Văn B có mặt và giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 500.000 đồng. Bị cáo Lê Tuấn A nhất trí hoàn trả theo yêu cầu của anh B.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Tuấn A theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Tuấn A từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo. Về dân sự: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều luật tương ứng của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo hoàn trả cho người liên quan Tạ Văn B số tiền 500.000 đồng theo yêu cầu; ông H và ông S không có yêu cầu nên không xem xét. Đề nghị tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Tuấn A tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản. Bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Lê Tuấn A nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin HĐXX giảm nhẹ mức án cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được

chứng minh qua bản kết luận định giá tài sản; biên bản xác minh, sơ đồ hiện trường; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2019, tại nhà đang xây dựng của anh Trần Hữu T, thuộc tổ 1 (nay là tổ 19), phường P, thành phố T, tỉnh T. Lê Tuấn A (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản), cư trú tại tổ 1 (nay là tổ 15), phường T, thành phố Tuyên Quang đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 mô tơ điện ELECTRIC MOTORS, công xuất 1490R/M powe 2,2kw trị giá 1.050.000đ *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* của anh Trần Hữu T.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Tuấn A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân về tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do bản tính lười lao động, để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu: đang có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà lại phạm tội mới cùng tính chất nên cần thiết phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung. Xét mức án Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền (theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự) đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hữu T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn S không yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tạ Văn B yêu cầu bị cáo trả số tiền 500.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Đối với ông Trần Văn S cho Lê Tuấn A mượn xe mô tô BKS 22H2-0919 nhưng không biết Lê Tuấn A sử dụng vào việc phạm tội; anh Tạ Văn B mua chiếc mô tơ điện do Lê Tuấn A bán, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên HĐXX không xem xét xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Tuấn A** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Lê Tuấn A **08** (*Tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

2. *Căn cứ vào*: Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Lê Tuấn A phải hoàn trả cho anh Tạ Văn B (nơi cư trú: Tổ 18 (tổ 1 cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. *Căn cứ vào:* Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội

Bị cáo Lê Tuấn A phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Lê Tuấn A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tạ Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại Trần Hữu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn S vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKS ND thành phố Tuyên Quang ;
- Công an thành phố Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Đào Thị Thu Thủy